

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Chủ tịch Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cho biết ngân hàng này sẽ không vội vàng thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh hơn

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

EIB, HAX

[Cập nhật công ty]

VIC, THG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn nhưng kê chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn tại các vùng giá cao khi giá cổ phiếu đi lên và tiếp cận các vùng cản gần.

08/02/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,500.99	+0.22
VN30	1,550.46	+0.60
HĐTL VN30F1M	1,535.50	+0.18
HNXIndex	417.89	-0.34
HNX30	726.17	-0.54
UPCoM	111.52	+0.70
USD/VND	22,711	+0.17
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.10	+1
Lãi suất qua đêm (%)	1.45	+0
Dầu (WTI, \$)	90.81	-0.56
Vàng (LME, \$)	1,818.41	-0.11



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,500.99 (+0.22%)
KLGD (triệu CP) 734.8 (+42.9%)
GTGD (triệu US\$) 993.2 (+24.7%)

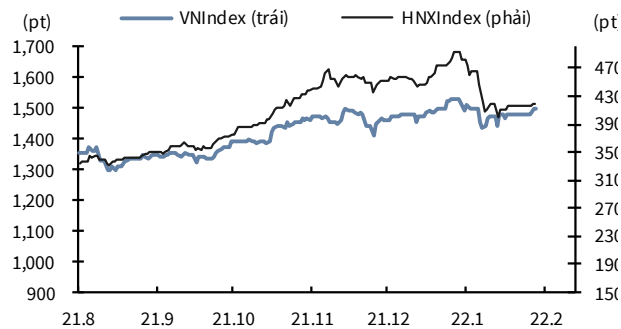
HNXIndex 417.89 (-0.34%)
KLGD (triệu CP) 73.6 (+34.9%)
GTGD (triệu US\$) 70.8 (+12.2%)

UPCoM 111.52 (+0.70%)
KLGD (triệu CP) 49.3 (-4.9%)
GTGD (triệu US\$) 46.6 (-8.3%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Chủ tịch Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cho biết ngân hàng này sẽ không vội vàng thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh hơn. Cổ phiếu dầu khí giảm giá ở PVD (-1.6%), PVS (-0.7%), tương đồng với diễn biến giảm của giá dầu thế giới sau khi Mỹ và Iran nối lại đàm phán gián tiếp. Theo Tổng cục Thủy sản (Bộ NN&PTNT), năm 2022, xuất khẩu tôm sẽ thuận lợi bởi Việt Nam có thể tận dụng tốt cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương giúp cổ phiếu thủy sản tăng giá ở FMC (+4.1%), MPC (+2%). Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), ngành thép sẽ tiếp tục được hưởng lợi từ làn sóng đầu tư công trên thế giới tác động tích cực đến cổ phiếu ngành thép ở HSG (+7%), HPG (+5.8%). Khối ngoại bán ròng ở VIC (-4.3%), VNM (-1.8%), HPG (+5.8%).

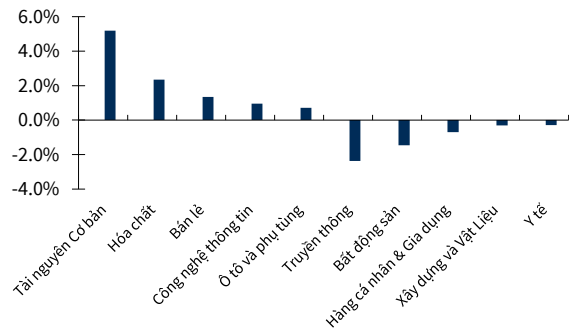
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -14.3

VNIndex & HNXIndex



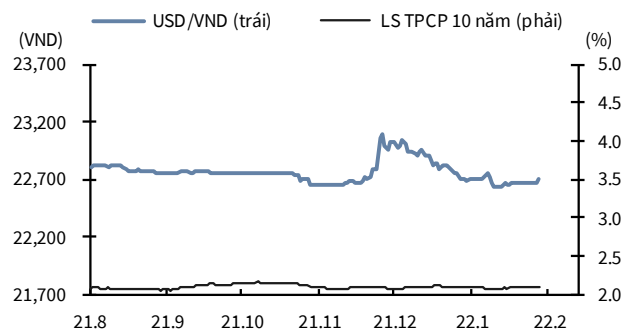
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

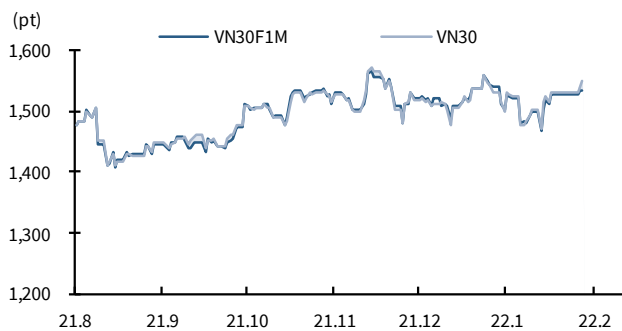
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,550.46 (+0.60%)
VN30F1M	1,535.5 (+0.18%)
Mở cửa	1,532.8
Cao nhất	1,543.7
Thấp nhất	1,527.4

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2202 và chỉ số VN30 chủ yếu biến động với biên độ âm và xuống mức thấp nhất - 17.83 điểm trong phiên giao dịch hôm nay cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước khả năng tăng điểm của thị trường, đóng cửa ở mức -14.96 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường tăng.

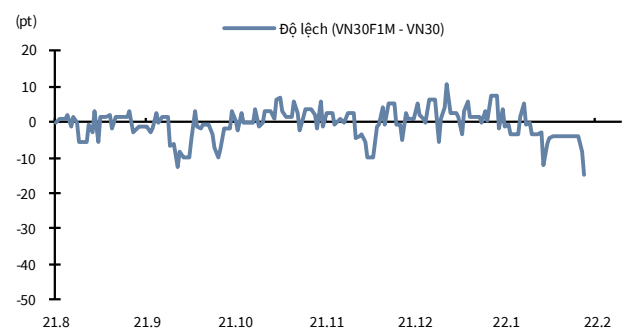
KLGD (HĐ) **112,521 (+34.3%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



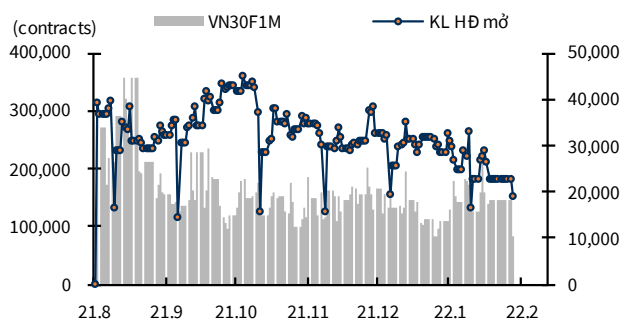
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



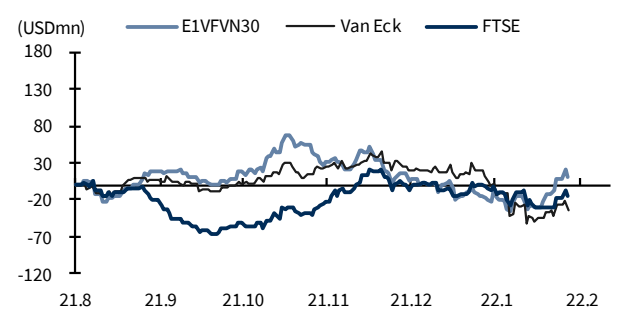
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

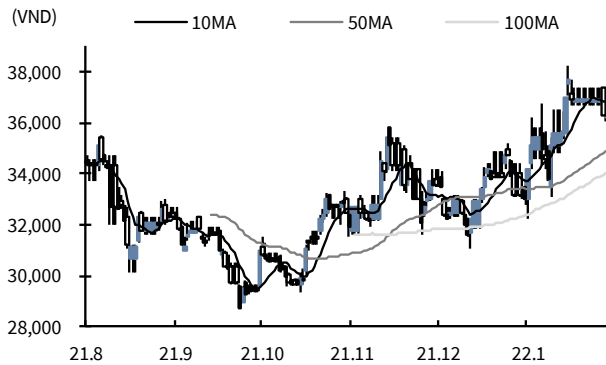
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

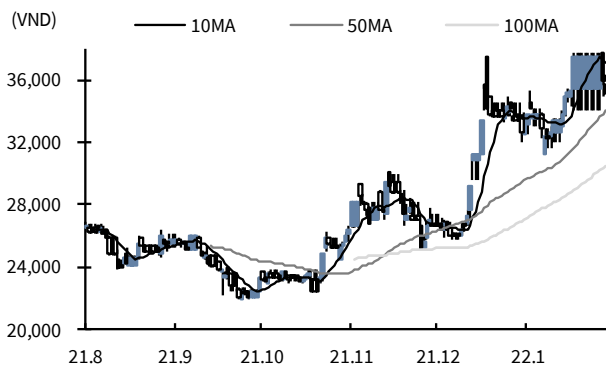
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- EIB giảm 0.7% xuống 35,700 VND/cp
- Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) thông qua việc chấm dứt trước thời hạn đối với Thỏa thuận liên minh chiến lược ngày 27/11/2007 ký giữa SMBC và Eximbank theo đề nghị của SMBC tại Văn bản ngày 5/1/2022.

CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh(HAX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAX tăng 2.74% lên 30,000 VND/cp
- Haxaco công bố BCTC hợp nhất quý IV với lợi nhuận đạt hơn 125.5 tỷ đồng, gấp đôi so với cùng kỳ và doanh thu tăng 19% lên 2,156 tỷ đồng nhờ chính sách giảm lệ phí trước bạ đối với ô tô đã kích thích nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng và đẩy mạnh các chiến dịch quảng bá trên nền tảng trực tuyến.

CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang

Tiềm năng tăng trưởng dài hạn

Chuyên viên phân tích
 Nguyễn Ngọc Hiếu - hieunn@kbsec.com.vn
 Trần Thị Phương Anh - anhttp@kbsec.com.vn

08/02/2022

Màng bê tông và nguyên vật liệu còn nhiều dư địa phát triển nhờ đẩy mạnh xây dựng hạ tầng vùng ĐBSCL – một trong những ưu tiên của Chính Phủ giai đoạn 2021-2030

Khu công nghiệp Gia Thuận 1,2 với tổng diện tích thương phẩm còn lại 67.6ha và có khả năng mở rộng thêm 50ha

Khu dân cư Nguyễn Trọng Dân bắt đầu mở bán cuối năm 2021 và nhiều dự án gối đầu tạo động lực tăng trưởng dài hạn cho THG

Khuyến nghị MUA cổ phiếu THG với mức giá mục tiêu 1 năm 120,500 VNĐ/ cổ phiếu

Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng vùng ĐBSCL là một trong những ưu tiên của Chính Phủ giai đoạn 2021-2030. Thương hiệu TICCO của THG hiện đã khẳng định được tên tuổi tại ĐBSCL với sản phẩm chính là ống cống, cọc ván, cọc ống, bê tông tươi, bê tông đúc sẵn và xây dựng được thương hiệu mạnh về xây dựng thủy lợi ở ĐBSCL – lĩnh vực được hưởng lợi trực tiếp trong quy hoạch Vùng thời gian tới.

29ha đất công nghiệp còn lại của KCN Gia Thuận 1 kỳ vọng sẽ lấp đầy trong giai đoạn 2022-2024, dự kiến mang về gần 400 tỷ đồng lợi nhuận gộp và KCN Gia Thuận 2 quy mô 50ha có vị trí gần KCN Gia Thuận 1, trong đó gồm gần 39ha đất thương phẩm với TMĐT 391 tỷ đồng đã có quyết định thu hồi đất.

THG đã bắt đầu mở bán dự án Nguyễn Trọng Dân (7.71ha) từ cuối năm 2021, dự án Đường số 4 (18.3ha) đang GPMB cũng như có kế hoạch đầu tư gối đầu một số khu dân cư trọng điểm của Tiền Giang như dự án Đường D7 và khu dân cư 2 bên đường (6.16ha) và dự án Nguyễn Công Bình (19.69ha).

Năm 2022, chúng tôi ước lợi nhuận đạt 214.1 tỷ đồng (+64.3% YoY) và doanh thu ước đạt 2089 tỷ đồng (+59.1% YoY). Khuyến nghị MUA cho cổ phiếu THG với mức giá mục tiêu cho giai đoạn 1 năm là 120,500 VNĐ/ cổ phiếu, tương ứng mức sinh lời 51.1% so với giá đóng cửa ngày 7/2/2022.

MUA

Giá mục tiêu 120,500 VNĐ

Tăng/giảm (%)	51.1
Giá hiện tại (07/02/2022)	79,800
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ)	1,274

Dự phóng KQKD & định giá

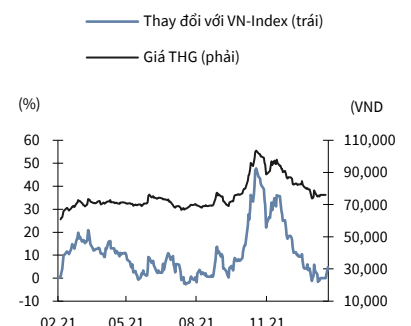
FY-end	2019A	2020A	2021A	2022F
Doanh thu thuần (tỷ VNĐ)	1,295	1,782	1,313	2,089
Lợi nhuận gộp	309	448	323	542
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	109	171	130	214
EPS (VNĐ)	8,288	11,770	8,127	13,404
Tăng trưởng EPS (%)	36.1	42.0	-31.0	64.9
P/E (x)	9.6	6.8	9.8	6.0
P/B (x)	2.6	2.3	2.2	3.1
ROE (%)	27.4	34.7	22.3	28.9
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	16.9	4.6	6.2	5.6

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	70.5%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	4.2/0.2
Sở hữu nước ngoài (%)	2.13%
Cổ đông lớn nhất	Nguyễn Thị Hường
	6.02%

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-4	-23	18	40
Tương đối	-2	-26	7	5



Vingroup (VIC)

Tập trung sản xuất xe hơi điện

Vingroup đã công bố KQKD Quý 4/2021 với doanh thu đạt 34,458 tỷ VND (-4%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ âm 5,964 tỷ VND. Lũy kế cả năm 2021, doanh thu đạt 125,306 tỷ VND (+13%YoY) và LNST của cổ đông công ty mẹ âm 2,771 tỷ VND do khoản chi phí phát sinh do dừng sản xuất xe xăng khoảng 5,484 tỷ VND và chi phí cho các hoạt động phòng chống dịch là 6,099 tỷ VND. Nếu ko tính các khoản chi phí phát sinh, LNST của VIC đạt 4,373 tỷ VND, đạt 97% kế hoạch năm 2021.

Mảng chuyển nhượng BĐS duy trì đà tăng trưởng, cho thuê BĐS hồi phục mạnh mẽ so với Quý 3.

- Trong quý 4, Vinhomes ghi nhận doanh số bán 17,400 căn (+544%YoY) với tổng giá trị hợp đồng đạt 37,900 tỷ VND (+130%YoY), trong đó bao gồm 7 giao dịch bán buôn (tại các dự án *Ocean Park, Smart City, Wonder Park, Dream City* và một dự án tại khu vực phía Nam) với tổng giá trị đạt 22,000 tỷ VND. Như vậy, lũy kế cả năm 2021, Vinhomes đã bán được 39,100 căn với tổng giá trị là 78,900 tỷ VND, đạt 83% kế hoạch pre-sales đã đặt ra.
- Doanh thu quý 4/2021 của riêng Vinhomes (bao gồm cả doanh thu bán buôn và BCC) đạt 25,400 tỷ VND (-26%YoY), LNST đạt 11,900 tỷ VND (+8%YoY). Doanh số bán và chưa ghi nhận doanh thu đến cuối quý 4/2021 đạt 52,400 tỷ VND (-16%YoY).
- Đối với Vincom Retail: Kết quả kinh doanh quý 4 giảm đáng kể so với cùng kỳ nhưng có sự hồi phục mạnh mẽ so với quý trước đó. Cụ thể, doanh thu quý 4/2021 đạt 1,367 tỉ VND (+64%QoQ và -58% YoY) và LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 122 tỉ VND (+402%QoQ và -87% YoY). KQKD giảm so với cùng kỳ do trong quý công ty đã giải ngân gói hỗ trợ 766 tỉ VND cho khách thuê bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh (Gói hỗ trợ của quý 4/2020 là 45.6 tỉ VND). Tính đến hết quý 4/2021, tổng diện tích sàn cho thuê của VRE là 1,654 nghìn m², giữ nguyên so với cùng kỳ. Tỷ lệ lấp đầy trong quý đạt 83%, giảm 1 điểm phần trăm so với cùng kỳ. VRE dự kiến mở mới 3 TTTM mới trong năm 2022 bao gồm Vincom Mega Mall tại *Vinhomes Smart City* và 2 Vincom Plaza tại Mỹ Tho và Bạc Liêu, đóng góp 95 nghìn m² sàn cho thuê. Công ty kỳ vọng kết quả kinh doanh năm 2022 sẽ hồi phục về mức năm 2020.

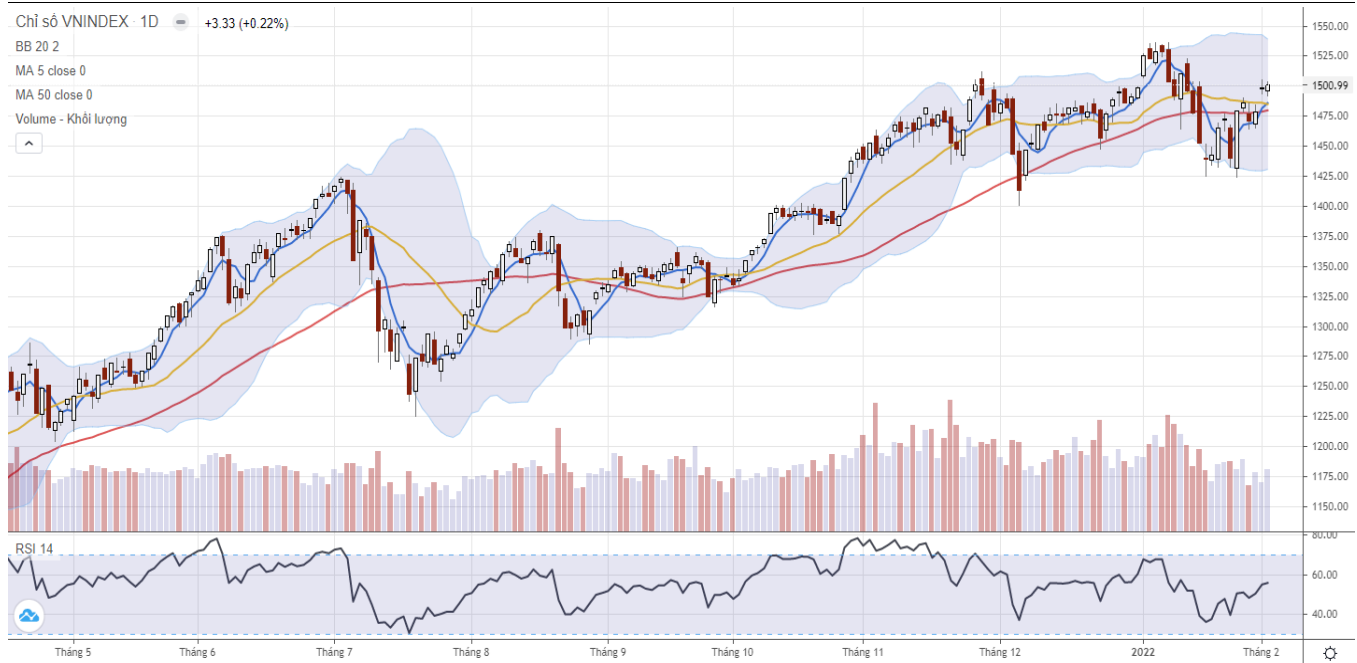
Mảng sản xuất: Dừng sản xuất xe xăng, tập trung phát triển ô tô điện.

- Doanh thu mảng sản xuất trong quý 4/2021 đạt 4,420 tỷ VND. Lãi trước thuế mảng sản xuất là 21 tỉ VND.
- Trong Quý 4, VinFast bán được 10,100 xe ô tô (-22%YoY) và 12,600 xe máy điện (+55% YoY), duy trì vị trí đứng đầu về thị phần trong các phân khúc, lũy kế cả năm công ty bán được 35,700 ô tô và 42,000 xe máy điện, đạt lần lượt 85% và 20% kế hoạch đặt ra.
- Vingroup quyết định ngừng sản xuất xe xăng từ cuối năm 2022 để tập trung phát triển ô tô điện. Trong năm, công ty đã ra mắt mẫu xe điện VF34 tại thị trường Việt Nam và hai mẫu xe điện VF8 và VF9 tại thị trường quốc tế. Tính đến cuối năm 2021, Vingroup đã nhận được gần 40,000 đơn đặt hàng trước cho các mẫu xe điện.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong phiên với các nhịp tăng giảm đan xen trước khi đóng cửa với mức tăng nhẹ cuối phiên.
- Chỉ số đang chịu áp lực rung lắc điều chỉnh nhẹ do diễn biến phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu. Mặc dù vậy, với dư địa tăng tại nhóm bluechips đầu ngành, VNIndex vẫn đang có cơ hội mở rộng thêm nhịp hồi phục trước khi chịu áp lực điều chỉnh rõ nét hơn tại vùng kháng cự 151x.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn nhưng kê chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn tại các vùng giá cao khi giá cổ phiếu đi lên và tiếp cận các vùng cản gần.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1549 – 1554

Kháng cự gần: 1542 – 1545

Hỗ trợ gần: 1524 – 1527

Hỗ trợ xa: 1508 – 1513

- F1 tăng điểm giảm co trong phiên trước khi suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả đạt được trong phiên.
- Chỉ số đang chịu ảnh hưởng của vùng kháng cự gần quanh 1550 (+5) với sự xuất hiện của các nhịp rung lắc điều chỉnh nhẹ. Mặc dù vậy, F1 vẫn còn dư địa mở rộng thêm nhịp hồi phục trước khi gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở vị thế SHORT tại kháng cự và mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái SHORT tại vùng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

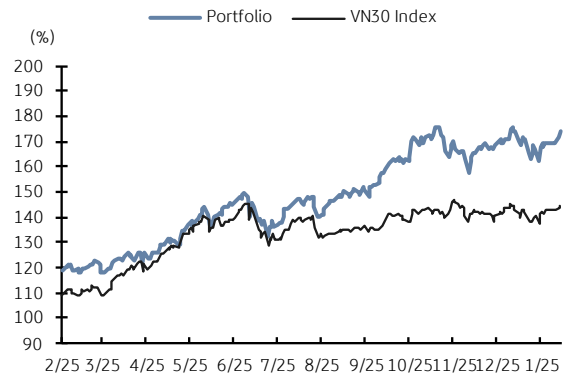
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.60%	1.24%
Tăng lũy kế (YTD)	44.80%	73.89%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/02/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	136,300	1.8%	73.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	50,800	1.6%	126.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	105,000	-2.1%	40.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	218,300	-0.3%	14.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	69,400	1.2%	101.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	90,600	1.2%	207.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	36,500	0.6%	92.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	114,000	-0.6%	56.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	45,550	5.8%	197.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	56,500	3.3%	299.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	3.3%	17.6%	63.9
DXG	2.0%	29.4%	50.6
CTG	0.6%	26.0%	32.4
NLG	1.6%	31.7%	20.2
GAS	-0.6%	2.8%	20.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	-4.3%	13.6%	-319.6
VNM	-1.8%	54.5%	-141.5
HPG	5.8%	23.6%	-217.5
NKG	6.9%	7.7%	-36.3
VHC	7.0%	26.4%	-27.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	-4.3%	13.6%	-290.3
VNM	-1.8%	54.5%	-50.8
HPG	5.8%	23.6%	-48.0
NKG	6.9%	7.7%	-41.5
VHC	7.0%	26.4%	-34.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
EID	-0.8%	25.2%	-0.9
IDC	3.4%	0.9%	-0.4
IVS	0.0%	70.7%	-0.2
VGS	4.5%	0.2%	-0.1
DHT	0.5%	27.8%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	9.4%	HVN, VJC
Bảo hiểm	7.8%	BVH, BMI
Dịch vụ tài chính	7.3%	VND, SSI
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.7%	PNJ, TCM
Dầu khí	5.6%	MWG, DGW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-3.2%	VCG, HBC
Bất động sản	-2.0%	VIC, DIG
Ngân hàng	0.8%	VCB, BID
Thực phẩm và đồ uống	1.5%	MSN, DBC
Ô tô và phụ tùng	1.5%	TCH, HTL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	9.1%	VCB, BID
Du lịch và Giải trí	7.1%	HVN, VJC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.2%	GAS, TMP
Dầu khí	4.2%	PLX, PVD
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.8%	PNJ, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-16.7%	CII, VCG
Dịch vụ tài chính	-13.4%	SSI, VND
Truyền thông	-12.6%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	-12.0%	TCH, HHS
Hóa chất	-10.9%	TSC, TRC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	294,508 (13.0)	22.5	63.5	34.3	14.7	5.7	9.5	3.4	3.0	-4.3	-9.1	14.6	-8.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	443,102 (19.5)	26.6	9.3	7.6	35.9	26.5	24.9	2.3	1.8	-1.2	0.2	-4.9	-1.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	299,916 (13.2)	17.8	27.6	19.2	-7.6	9.1	10.6	2.4	2.3	0.0	7.1	2.2	17.9
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	196,168 (8.6)	31.3	27.0	18.3	6.7	13.9	15.1	4.4	3.2	-1.0	0.3	-8.3	-13.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	95,450 (4.2)	11.6	21.8	15.9	18.0	15.6	24.2	3.0	2.5	-0.4	1.0	11.0	-1.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	349,427 (15.4)	13.9	13.2	15.4	-	16.4	13.3	2.0	1.9	2.0	9.3	-9.9	0.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	167,987 (7.4)	6.3	17.8	14.3	11.7	20.5	20.8	3.1	2.7	-0.4	-4.0	15.3	16.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	206,451 (9.1)	12.7	18.8	13.0	-5.3	16.0	20.5	2.4	2.0	-0.1	-3.4	20.8	27.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	533,621 (23.5)	0.0	9.3	7.8	14.3	20.1	19.6	1.7	1.4	1.9	3.7	8.8	7.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	538,989 (23.8)	1.4	9.9	7.7	61.1	18.9	20.9	1.6	1.3	0.6	-1.4	9.9	7.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	443,913 (19.6)	0.0	11.1	8.8	18.8	16.0	16.1	1.7	1.4	2.8	6.9	7.8	4.2
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	657,459 (29.0)	0.0	8.7	7.3	14.6	22.2	21.1	1.7	1.3	0.0	3.7	18.2	17.0
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	161,991 (7.1)	4.2	9.4	7.7	23.3	20.4	20.2	1.7	1.4	1.0	4.5	3.6	1.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,112,545 (49.0)	14.0	16.3	10.8	26.5	11.9	16.2	1.8	1.6	0.7	3.3	12.2	13.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	369,462 (16.3)	0.0	11.0	8.5	37.5	21.1	22.0	2.1	1.7	0.7	5.7	2.4	2.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	28,842 (1.3)	0.2	77.8	25.9	27.3	3.1	9.1	2.4	2.3	-0.7	2.3	6.9	5.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	36,886 (1.6)	21.0	18.7	14.6	15.8	10.1	11.9	1.8	1.6	-0.2	7.4	-0.4	-1.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	20,822 (0.9)	14.2	19.5	16.7	9.1	10.9	12.6	1.8	1.7	5.6	14.3	-7.5	-10.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	575,947 (25.4)	55.4	21.8	20.5	-3.2	13.7	14.8	-	-	-0.4	6.7	11.5	-11.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	191,075 (8.4)	71.9	-	-	-4.0	25.8	-	-	-	1.5	9.2	17.5	-18.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	119,957 (5.3)	52.4	-	-	-19.0	21.4	-	-	-	0.5	7.2	13.7	-14.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	463,620 (20.4)	27.2	-	-	36.3	19.8	-	-	-	-0.6	11.6	12.5	-14.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	171,030 (7.5)	42.1	16.4	15.2	4.0	33.0	34.2	4.9	4.6	-1.8	3.5	-3.8	-5.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,614 (1.0)	36.9	24.3	20.3	7.3	19.0	21.4	3.9	3.8	1.8	6.8	1.0	2.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	122,646 (5.4)	16.5	27.7	19.7	-51.9	21.7	24.7	6.1	4.7	-1.6	-4.9	-5.5	-14.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	189,884 (8.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.4	2.7	27.9	-22.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	88,760 (3.9)	11.0	-	57.3	-88.5	1.0	10.1	-	-	0.8	8.4	6.2	2.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	58,551 (2.6)	10.8	19.9	18.3	-57.0	12.2	13.5	2.3	2.3	1.4	8.5	-3.1	-1.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	368,481 (16.2)	38.4	14.7	6.9	65.7	8.2	15.7	1.2	1.1	-7.0	14.0	52.9	-41.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	257,021 (11.3)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	2.8	-0.6	51.3	-42.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	787,755 (34.7)	37.7	-	-	-13.2	11.9	14.9	-	-	0.0	2.3	24.4	-8.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	91,442 (4.0)	3.6	18.1	17.8	-52.4	4.6	4.6	0.8	0.9	-1.2	14.1	16.8	-13.7
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	30,996 (1.4)	0.0	10.1	8.5	-4.5	13.2	14.9	1.4	1.2	1.2	7.9	0.1	0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	109,624 (4.8)	46.1	18.5	16.5	-17.5	22.2	23.6	3.9	3.6	-0.6	4.1	6.0	18.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	22,929 (1.0)	31.4	10.3	11.6	-10.5	15.1	14.3	1.8	1.6	0.9	3.1	10.6	-10.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	5,076 (0.2)	34.1	14.2	8.9	-5.1	10.3	16.7	1.5	1.4	1.3	1.1	-6.6	-5.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	790,943 (34.9)	18.0	6.6	6.5	21.9	29.6	24.4	1.6	1.4	5.8	5.3	-0.5	-1.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	141,280 (6.2)	36.5	10.3	14.4	-0.5	17.4	11.7	1.6	1.5	3.6	6.8	-5.7	-11.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	124,517 (5.5)	46.5	11.1	13.5	-4.5	19.9	14.6	2.0	1.8	1.8	6.9	18.8	-22.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	171,516 (7.6)	38.9	5.5	6.2	67.9	25.0	19.2	1.2	1.0	6.9	10.7	-3.5	-8.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	120,021 (5.3)	97.2	19.0	17.0	17.2	-	-	1.2	1.1	0.3	2.4	23.7	-13.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	92,778 (4.1)	4.6	19.3	17.1	-51.0	16.3	17.5	3.0	2.8	0.2	8.1	4.4	9.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	313,703 (13.8)	39.9	27.8	15.9	-11.9	3.9	5.8	0.9	0.8	-1.6	-6.7	-2.7	3.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	52,002 (2.3)	35.9	8.6	7.2	1.2	16.7	16.3	1.3	1.0	1.6	3.5	11.0	-7.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	112,372 (5.0)	0.0	15.6	13.3	13.7	27.9	28.4	4.0	3.5	1.8	4.0	0.6	0.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	67,071 (3.0)	0.0	17.5	14.1	2.4	22.9	23.4	3.6	2.9	-2.1	8.2	11.8	9.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	10,058 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.5	9.3	18.0	-23.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	94,799 (4.2)	30.3	23.7	19.2	-75.2	19.9	21.5	5.2	4.7	0.2	16.6	5.9	-6.2
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	55,197 (2.4)	34.6	11.7	13.2	41.2	30.4	23.9	2.9	2.6	0.0	0.9	2.8	12.5
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,732 (0.2)	45.4	16.2	16.3	10.7	20.8	18.8	3.1	2.8	-1.6	2.8	11.6	-10.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	116,041 (5.1)	0.0	15.9	14.0	15.5	25.5	27.5	3.8	3.6	1.2	4.7	-3.0	-2.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.